

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nghi;

2. Bà Kiều Thị Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy- Thư ký Toà án nhân dân huyện TD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Ông Đầu Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 275/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Chia tài sản chung sau ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Văn M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Cầu Tr, xã HS, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Đào Văn M trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn năm 2009. Do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2019 anh chị đã có đơn xin ly hôn. Tại quyết định số 72/2019/QĐST- HNGĐ ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TD đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị T, về con chung anh trực tiếp nuôi 02 cháu là Đào Hoàng Yến, sinh ngày 11/9/2012 và Đào Quỳnh Chi, sinh ngày 21/6/2014. Về tài sản chung anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết để hai bên tự thỏa thuận với nhau. Nhưng sau đó anh chị không thỏa thuận được với nhau. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của anh và chị T là thửa đất có diện tích 145,5m² ở tại thôn 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đào Văn M và bà Hoàng Thị T. Nguồn gốc thửa đất do anh và chị T nhận chuyển nhượng năm 2018. Tại thời điểm trước khi ly hôn anh chị vẫn đi thuê nhà ở, thửa đất trên vẫn để không chưa xây dựng công trình gì. Theo anh ngoài tài sản chung là diện tích đất trên anh và chị T không có tài sản chung gì khác.

Sau khi ly hôn, tháng 11/2019 anh đã xây dựng 01 ngôi nhà một tầng khép kín trên diện tích đất trên, nguồn tiền xây dựng nhà là của anh và bố mẹ anh em bạn bè giúp đỡ cho anh mỗi người một ít, để anh và các con có chỗ ở đỡ phải đi thuê nhà vì thực tế sau khi ly hôn một mình anh nuôi hai con nhỏ, chị T không hỗ trợ anh và không có trách nhiệm gì với các con. Tổng chi phí xây dựng ngôi nhà hết khoảng gần 300.000.000đ (anh không nhớ rõ). Anh M xác định toàn bộ tài sản xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của anh và chị Hoàng Thị T là diện tích 145,5m² ở tại thôn 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Văn M và Hoàng Thị T, anh đề nghị được sử dụng toàn bộ diện tích đất trên và thanh toán chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị T.

Tại phiên tòa anh M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị T đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn M, giao cho anh M được sử dụng thửa đất có diện tích 145,5m² thuộc thửa số 396, tờ bản đồ số 28 ở tại thôn 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh M phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị T số tiền là 174.600.000đ.

Án phí chia tài sản chung: Các đương sự phải chịu theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp tài sản chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật dân sự; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại quyết định số 72/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TD đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn M và chị Hoàng Thị T, về con chung anh M trực tiếp nuôi 02 cháu là Đào Hoàng Yên, sinh ngày 11/9/2012 và Đào Quỳnh Chi, sinh ngày 21/6/2014. Về tài sản chung anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh M đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của anh và chị T là thửa đất có diện tích 145,5m² ở tại thôn 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đào Văn M và bà Hoàng Thị T ngày 03/4/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Hoàng Thị T đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc đã xác định: Chị Hoàng Thị T đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn Cầu Tr, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HH đã xác định: Tháng 8/2019 Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đã giải quyết cho anh Đào Văn M và chị Hoàng Thị T ly hôn. Quá trình chung sống anh M và chị T có tài sản chung là thửa đất số 396, tờ bản đồ 28; địa chỉ thửa đất: Khu 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đào Văn M và bà Hoàng Thị T. Khối tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh chị. Sau khi anh chị ly hôn, tháng 11/2019 anh M đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất trên và sử dụng từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của ông Đào Văn Hải (là bố đẻ anh M), ông Hải trình bày: anh Đào Văn M và chị Hoàng Thị T kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông được khoảng 3 năm thì thuê nhà ở riêng. Năm 2018 anh chị mua thửa đất diện tích 145m² (của gia đình ông Chung cùng thôn) và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh chị. Năm 2019 anh chị xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 8/2019 đã ly hôn. Sau khi anh chị ly hôn, anh M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, do điều kiện ăn ở quá vất vả nên gia đình và anh em bạn bè anh M đã giúp đỡ hỗ trợ cho anh để anh M xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 khép kín trên diện tích đất trên để bố con anh có nơi ở. Anh M đã nhờ ông mua vật liệu và trông nom việc xây dựng, chi tiết mua bán ông không nhớ rõ (ông có giữ được một số hóa đơn đã đưa cho anh M). Do đó ông xác định ngôi nhà xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh M, không liên quan gì đến chị T. Thực tế từ sau khi ly hôn chị T không thăm nom các con và cũng không có trách nhiệm gì đối với các con. Nay anh M đề nghị chia tài sản chung là diện tích đất trên, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 06/5/2021 Hội đồng định giá tài sản đã định giá diện tích đất $145,5\text{m}^2 \times 2.400.000\text{đ} = 349.200.000\text{đ}$.

Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất có diện tích $145,5\text{m}^2$ thuộc thửa số 396, tờ bản đồ số 28 (đất trồng cây lâu năm) ở tại thôn 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đào Văn M và bà Hoàng Thị T ngày 03/4/2019 là tài sản chung của anh Đào Văn M và chị Hoàng Thị T. Sau khi anh chị ly hôn, khối tài sản này chưa được phân chia. Do đó cần phân chia diện tích đất trên cho anh chị theo quy định của pháp luật. Anh M đề nghị được sử dụng toàn bộ diện tích đất trên và thanh toán cho chị T $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản. Xét thấy hiện tại anh M đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 khép kín trên toàn bộ diện tích đất trên, anh và các con đang sử dụng, ngoài nơi ở trên anh và các con không có nơi ở nào khác. Do đó giao cho anh M được sử dụng toàn bộ diện tích đất $145,5\text{m}^2$ có trị giá 349.200.000đ, anh M phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị T số tiền là 174.600.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 ngôi nhà cấp 4 khép kín trên toàn bộ diện tích đất $145,5\text{m}^2$, anh M xác định đây là tài sản riêng của anh được xây dựng sau khi ly hôn chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí chia tài sản chung: Các đương sự đều phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với trị giá tài sản chung được phân chia là $174.600.000\text{đ} \times 5\% = 8.730.000\text{đ}$.

[5] Về chi phí tố tụng: Anh Đào Văn M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí thẩm tra xem xét tại chỗ và định giá tài sản đã chi phí thực tế), không yêu cầu gì đối với chị T, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Giao cho anh Đào Văn M được sử dụng thửa đất có diện tích $145,5\text{m}^2$ thuộc thửa số 396, tờ bản đồ số 28 (đất trồng cây lâu năm) ở tại thôn 4, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đào Văn M và bà Hoàng Thị T ngày 03/4/2019, có trị giá 349.200.000đ. Anh M phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị T số tiền là 174.600.000đ.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của

Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị T phải chịu 8.730.000đ. Anh Đào Văn M phải chịu 8.730.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009714 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TD. Anh M còn phải nộp số tiền là 6.230.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung